

V.I. LÊ NIN VÀ “KHOA HỌC LÔGÍCH” CỦA HÊGHEN. LÔGÍCH HỌC MÁC – XÍT

LAI VĂN

Nếu gác sang một bên cái hệ thống giả tạo do Hê-ghen xây dựng một tùy tiện trong đó các mối liên hệ hiện thực bị đảo lộn, xuyên tạc, thì khi phải trở lại Hê-ghen là phép biện chứng. Công lao lớn nhất của Hê-ghen là (ông đã trở lại phép biện chứng, coi toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử và tinh thần nhân loại qua trình, nghĩa là luôn luôn vận động, thay đổi, biến hóa và phát triển, và đó ông đã cố tìm ra mối liên hệ nội tại của sự vận động và phát triển ấy).

Mác và Ăng-ghen đã không chỉ nêu ra sự đối lập về nguyên tắc, mà còn nhận cả mối liên hệ giữa phương pháp của Hê-ghen với phương pháp biện chứng của hai ông, coi phép biện chứng Hê-ghen như một « nguồn gốc của luận tiếp » của quan niệm duy vật mà hai ông là đại diện.

Nhấn mạnh vai trò của phép biện chứng Hê-ghen đối với sự hình thành triết học Mác, đối với phép biện chứng duy vật nói riêng, Lênin yêu cầu phải chức nghiên cứu một cách đầy đủ có hệ thống về « phép biện chứng (đó từ các mặt) [2] như chính Người, noi theo Mác và Ăng ghen, đã làm từ lập luận duy vật. Xét ở mặt này thì việc nghiên cứu « khoa học lôgích » của Hê-ghen hình thức như Lênin tiến hành trong « Những tập bút kí về triết học: » có ý nghĩa rất lớn.

Lênin tóm tắt cuốn « khoa học lô-gích » trong ba tập bút kí: « Hê-ghen. I », « Hê-ghen. Lôgich II » và « Hê-ghen. Lôgich III » với ngày hoàn thành được rõ: 17-12-1914. Bản tóm tắt của Lênin về cuốn « Khoa học lôgích » của Hê-ghen không giản đơn chỉ là bản tóm tắt. Ở đây, Lênin đã phác thảo, ghi lại những tư tưởng, nhiều luận điểm nổi tiếng, nhiều dự tính thiên tài về phép biện chứng duy vật. Xét ở khía cạnh này và ở điểm này thì phép biện chứng (Lôgich) của Hê-ghen giữ vai trò như là điểm tựa, là « cái cơ » để Lênin đề xuất, trình bày và triển khai những tư tưởng sâu sắc của người về phép biện chứng duy vật.

« Khoa học lôgích » là « tác phẩm duy tâm nhất » của Hê-ghen. Đối với triết học xét trong tác phẩm, nền tảng dành cho lôgích học Hê-ghen là « ý niệm duy tâm — cái thực thể tinh thần vận động, phát triển dưới hình thức những bản chất thuần túy, lôgích, vĩnh cửu... ở giai đoạn khi nó chưa bị « tha hóa » chuyển giới tự nhiên. Những bản chất thuần túy, vĩnh cửu này chính là những phạm trù lôgích, biểu thị những trình độ phát triển khác nhau của ý niệm và là cơ sở chất của các hiện tượng tự nhiên, xã hội, tinh thần rất phong phú và đa

thế phản ánh chất duy tâm thần bí của Hê-ghe, những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã vạch ra rằng Hê-ghe rơi vào ảo tưởng cho rằng hiện thực là kết quả của tư duy tự tổng hợp lại trong bản thân, tự nó đi sâu vào bản thân, tự thân nó phát triển lên [3]. Và vì thế, « ở Hê-ghe, sự phát triển biện chứng biểu hiện trong tự nhiên và trong lịch sử... chỉ là sự chép lại sự tự vận động của khái niệm. » [4]

Đồng nhất và phát triển là hai nguyên tắc cơ bản, nền tảng của triết học Hê-ghe. Ở Hê-ghe tồn tại đồng nhất với tư duy, nhưng đồng nhất trên cơ sở tư duy. Sự phát triển, theo Hê-ghe, lại chỉ có liên quan riêng đến « ý niệm », đến thế giới các hiện tượng tinh thần. Bản chất duy tâm của quan niệm Hê-ghe ở đây, trong vấn đề phát triển, là ở chỗ ông ta giải thích sự phát triển của ý niệm như là sự phát triển tự thân, bị qui định chỉ bằng riêng lôgic nội tại của bản thân tư duy thần túy.

Mặc dù vậy, bất chấp quan niệm duy tâm và mong muốn chủ quan của Hê-ghe, trong các học thuyết do Hê-ghe trình bày một cách tối nghĩa, khó hiểu về vấn đề « ở ra », « bùng lên » một nội dung khách quan bao hàm những phát hiện khoa học. Một cách tự phát hay tự giác thì Hê-ghe vẫn cứ chịu áp lực của qui luật vận động phát triển biện chứng của thế giới khách quan; dù muốn hay không thì « ý niệm vượt đời » của Hê-ghe vẫn cứ là và chỉ là nhận thức của loài người và vì thế khi khảo sát nó, Hê-ghe không thể theo cách nào khác là phải đối xử với nó như thức nhân loại. Ta hiểu được tại sao ở Hê-ghe — nhà duy tâm biện chứng — lại có tình trạng mâu thuẫn giữa hai luận điểm duy tâm trong cách trình bày khó hiểu với cái nội dung khách quan, giữa sự ngu xuẩn với những tư tưởng siêu tài như Lenin đã nhiều lần nói đến. Ph. Ăng-ghe nhận xét: Hê-ghe là chủ nghĩa duy vật lộn đầu xuống dưới. Nhắc lại nhận xét này của Ăng-ghe, Lenin trong bản tóm tắt của Người về cuốn « Khoa học lô-gic » của Hê-ghe đã đánh giá một cách tổng quát về tác phẩm « duy tâm nhất » này của Hê-ghe như sau: « Đó là chủ nghĩa duy tâm nhất, nhiều chủ nghĩa duy vật nhất. Đó là mâu thuẫn, nhưng đó là sự thực ». [5]

Dù muốn hay không, thì Hê-ghe với tình cảm cảm lịch sử rộng lớn của ông ta, như đã nói, cũng vẫn chịu áp lực của qui luật phát triển khách quan của hiện thực, cũng đã tiếp cận đến, nhận thức ra chân lý mà từ lâu chủ nghĩa duy vật đã khẳng định: trình bày các khái niệm, các phạm trù lôgic như là sự phản ánh thế giới khách quan, và trong một chừng mực nhất định đoán nhận ra biện chứng của sự vật trong biện chứng các khái niệm.

Hê-ghe không phải là người đầu tiên nghiên cứu các khái niệm, phạm trù, nhưng ông là người đầu tiên phân tích và vạch ra rằng những khái niệm thường hình thành một cách cứng lại có liên hệ, vận động, chuyên hóa, quá độ từ cái nọ sang cái kia [6]. Đó là hệ quả lôgic của việc Hê-ghe khảo sát các khái niệm và phạm trù lôgic như là những trình độ, những giai đoạn phát triển khác nhau của ý niệm thần túy. Mặc dù vậy, trong tư tưởng của Hê-ghe về mối liên hệ phổ biến, về sự quá độ của các phạm trù vẫn cứ « lộ ra » những mối liên hệ, sự thống nhất quá độ, chuyên hóa của thế giới vật chất vĩnh viễn vận động, những tính chất của thế giới đó. Nếu như loại bỏ tiền đề duy tâm xuất phát của Hê-ghe, thì lại còn lại ở ông ta là chủ nghĩa duy vật siêu tài, như Lenin đã nói: lôgic các khái niệm phản ánh sự vận động — cho dù ngay cả khi đó là sự vận động ảo tưởng, của lịch sử nhận thức nhân loại. Lenin nhận xét là việc Hê-

ghen xem xét sự tự phát triển của các khái niệm và các phạm trù trong một hệ với toàn bộ lịch sử triết học — việc này đã đem lại cho lôgic một nét mới sắc thái mới. Sự thật, chính ở đây trong lôgic các khái niệm phản ánh vận động, phải thấy hết ý nghĩa, tác dụng của lôgic học Hê-ghe.

Tiếng nói chủ đạo, tiêu điểm nổi bật phân biệt lô-gic học Hê-ghe với bộ lô-gic học cũ, như Lenin đã chỉ rõ, là sự vận động: « Sự vận động của thực đó là thực chất ». [7] Và Lenin cũng chỉ ra rằng điều « mâu thuẫn » ở trong lôgic học Hê-ghe, là « con đường... của sự nhận thức thực sự, của trình nhận thức, của sự vận động từ không biết đến biết » [8] Lenin đã tiếp sau khi chỉnh lý theo quan điểm duy vật, tư tưởng của Hê-ghe về sự vận động của nhận thức được rút ra từ toàn bộ đời sống tinh thần và giới tự nhiên. Đồng thời trên cơ sở khái quát tiến trình nhận thức chung của loài người, trình bày một cách tóm tắt, dưới hình thức đã trở thành kinh điển, về nhận thức chân lý là đi « từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. » [9]

Cố nhiên để có thể nắm bắt được chân lý, để có thể bao quát được thực khách quan thì những khái niệm của con người trong khi phản ánh sự vận động, mối liên hệ phổ biến, toàn diện, sinh động của chúng, phải là mềm dẻo, tương đối, có liên hệ với nhau, thống nhất trong những mặt đối lập, chuyển hóa lẫn nhau như đã phân tích ở trên. Tư tưởng thiên tài này trên thực tế là của lôgic học Hê-ghe, đúng hơn là của Hê-ghe đã được lật ngược lại cách duy vật, nghĩa là đã loại bỏ thượng đế, cái tuyệt đối, là đảo ngược lại cách duy vật những mối liên hệ hiện thực đã bị đảo ngược. Bức tranh thế giới theo lôgic học Hê-ghe, khi đó sẽ là: « Con sông và những giọt trong con sông ấy. Vị trí của mỗi giọt, mối quan hệ của nó với những giọt khác; hướng lên của nó; tốc độ; con đường vận động thẳng, cong, tròn, etc. — hướng lên hướng xuống dưới. Tổng của vận động. Những khái niệm, coi là *biểu hiện* của những mặt riêng biệt của vận động, của những giọt riêng biệt (= « những vật »), của những « luồng » riêng biệt etc » [10]

Trong « khoa học lôgic » của Hê-ghe không chỉ có vấn đề « di chuyển biện chứng của sự vật trong biện chứng của khái niệm. Hê-ghe còn đặt và đây là điều hết sức quan trọng — vấn đề phương pháp nhận thức, phương pháp xây dựng bức tranh xác thực của thế giới. Lenin nhận xét và nhấn mạnh « cộng và tóm tắt, tiếng nói cuối cùng và bản chất của lôgic học của Hê-ghe là phương pháp biện chứng, — cái này thật là tuyệt diệu » [11].

Và ở ngay cả cái « thật là tuyệt diệu » này, Lenin cũng đã không chỉ kể giản đơn mà còn sửa chữa lại Hê-ghe và phát triển theo quan điểm duy vật một loạt những nguyên tắc thực sự làm thành phương pháp biện chứng của khoa học. Sự thật, Hê-ghe là người đầu tiên nhận ra và trình bày quá trình tư duy đi từ trừu tượng đến cụ thể như một tính qui luật của nhận thức biện chứng. Đối với Hê-ghe — nhà duy tâm — thì tư duy, nhận thức có nghĩa là tự nhận thức; quá trình tư duy đang tự nhận thức cũng đồng thời có nghĩa là quá trình sáng tạo ra thế giới xung quanh. Thành thử, đối với Hê-ghe — biện chứng — thì những nguyên tắc của nhận thức được hình thành và thực hiện chính là trên cơ sở những mối liên hệ hiện thực bị đảo ngược và hướng hết vào « vương quốc của tư tưởng ». Nói khác đi, ở Hê-ghe, nguyên tắc nhận thức hay phương pháp biện chứng nói chung, là cái xuất phát từ tư duy

liên...
đó, đưa huân tủy vào tư duy để rồi lại hướng vào bản thân tư duy thuần túy.
Đó là nguyên nhân của tình trạng nghèo nàn, giả tạo bao hàm trong quan
niệm của Hê-ghen về phép biện chứng. Vì lẽ đó, cho dù trong « Khoa học lô-gích »
của Hê-gen cũng như trong nhiều tác phẩm khác của ông, ta cũng bắt gặp, chẳng
hạn, nguyên tắc thống nhất giữa lịch sử và lô-gích, nhưng đó là nguyên tắc đã bị
trình bày theo cách của nhà duy tâm: sự thống nhất trong đó cái lịch sử bị đối
xử như là cái phát sinh ra từ cái lô-gích [12]. Còn nguyên tắc đi từ trừu tượng
đến cụ thể thì lại được Hê-ghen quan niệm như là nguyên tắc (hay phương pháp)
trừu tượng sinh ra sự phong phú, tính đa dạng muôn vẻ của thế giới vật chất
và sống động [13].

Đi áp với Hê-ghen, Lênin xây dựng các nguyên tắc nhận thức trên cơ sở
những mối liên hệ trước hết là của sự vật và hướng trước hết vào bản thân thế
giới vật chất.

Biện chứng của sự vật sản sinh ra biện chứng của khái niệm chứ không
phải ngược lại. Quan điểm cơ bản có tính nguyên tắc này của triết học Mác đã được
Lênin đặt đề vận dụng và cụ thể hóa qua xây dựng các nguyên tắc biện chứng
của việc nhận thức sự vật, chẳng hạn, phải xem xét « bản thân vật tự nó » (nguyên
tắc tìm-hách quan của việc xem xét sự vật) trong tổng thể những mối quan hệ
muôn v. phổ biến, toàn diện của sự vật ấy với mỗi sự vật khác (nguyên tắc
lĩnh-tà diện của việc xem xét) trong sự thống nhất và đấu tranh của các mặt
đối lập - những khuynh hướng mâu thuẫn bên trong của sự vật ấy (nguyên tắc
phân-té cái thống nhất ra thành các mặt đối lập và nhận thức các bộ phận
của nó).

Đã Lênin phân tích về các yếu tố của phép biện chứng chiếm một vị trí
nổi bật trong « Bản tóm tắt » cuốn sách của Hê-ghen « Khoa học lô-gích ».

Đã nói ở dạng phân tích, « những yếu tố của phép biện chứng » cũng đã nói
rõ quan điểm của Lênin về những yêu cầu của phương pháp biện chứng, và thể
hiện sự quan tâm đặc biệt của Người đến những nguyên tắc chi phối sự vận động
của mặt thức từ không biết đến biết.

Cần phải nói thêm là những kết quả nghiên cứu của Lênin về phép
biện chứng về những nguyên tắc (yếu tố) của phép biện chứng nói riêng
trong thời kỳ 1914 - 1915, đã được chính Lênin vận dụng trong một loạt
tác phẩm của Người viết trong những năm sau đó về những vấn đề lí luận
và thực tiễn lịch sử, chính trị, kinh tế xã hội cấp bách của thời đại. Cũng
như ở Mác và Ăng-ghe-n, ta bắt gặp ở Lênin phép biện chứng trong hành
động. Và đó là điều quan trọng hơn rất nhiều đối với những người sáng lập ra
chủ nghĩa Mác-Lênin.

Những điều đã trình bày cho phép hiểu rõ được quan niệm của Lênin về
lô-gích học « Không phải tâm lí học, không phải hiện tượng học của tinh thần, nhưng
là lô-gích học = Vấn đề chân lí » [14]. Cũng chính ở « vấn đề chân lí » này, lần đầu tiên,
trong bản tóm tắt về « Khoa học lô-gích » của Hê-ghen, Lênin đưa ra quan niệm
về sự nhất trí hay là sự phù hợp của lô-gích học và lí luận nhận thức. Nếu lí luận
nhận thức, như trên đã nói, nghiên cứu vấn đề về tính qui luật của nhận thức
nằm ở chân lí: vận động từ không biết đến biết, thì lô-gích học quan tâm đến
những hình thức, cách thức, phương pháp của việc nhận thức, nằm bắt chân lí.
Đề phân tích, bao quát được thế giới khách quan, những khái niệm - những hình

thức phản ánh thế giới — phải là biện chứng nghĩa là phải mềm dẻo... tương năng động, có liên hệ, thống nhất trong sự đối lập, chuyển hóa lẫn nhau. Lênin, đây chính là nội dung chủ yếu của lôgic học. Nhưng lôgic học, đây là lôgic biện chứng, không chỉ giới hạn ở đó. Những mối quan hệ (cơ duyên = mâu thuẫn) giữa các khái niệm sơ dĩ trở thành nội dung chủ yếu của lôgic chính là vì, cũng như các khái niệm, chúng là sự phản ánh đúng đắn (thế giới vận động, là hình thức đạt đến chân lí. Nhưng điều quan trọng không chỉ là lí được thực hiện trong những hình thức phản ánh đúng đắn nào, mà còn là những cách thức, nguyên tắc nào. Hiển nhiên đây là phạm vi «độc quyền» nghiên cứu của lôgic học, trước hết và chủ yếu của lôgic biện chứng. Vì thế, khi cập đến đối tượng (= phạm vi những vấn đề nghiên cứu của lôgic học...), Lênin xét: «... Không phải chỉ là sự miêu tả các hình thức của tư duy và không phải là sự miêu tả có tính chất lịch sử tự nhiên về những hiện tượng của tư duy (cái khác sự miêu tả các hình thức ở chỗ nào?) mà còn là sự phù hợp với cơ bản lí

CHÚ THÍCH

1. Ph. Ăng ghen. Chống Duy linh. H, 1984, tr 37-38.
2. Xem: V.I. Lênin. Toàn tập, tập 45, tr.36.
3. Xem: C. Mác, Ăng ghen. Tuyển tập. (6 tập), tập II, H., 1981, tr. 6616.
4. Ph. Ăng ghen. Lút-vich Phoi-ơ bắc và sự cáo chung của triết học cổ Đức. H., 1976, tr.66.
5. V.I Lênin. Toàn tập, tập 29, tr. 255.
6. Xem V.I. Lênin. Như trên, tr.117.
7. Như trên, tr 96.
8. Như trên.
9. Như trên, tr. 179.
10. Như trên, tr. 156.
11. Như trên, tr. 254 — 255.
12. Xem: Lại Văn Toàn. Nguyên tắc lịch sử trong triết học Hêghen. (T Nga). Tạp chí Vexnich, Trường đại học Tổng hợp Moxkva. Triết học., 1982.
13. Xem: Lại văn Toàn. Vấn đề xác định điểm khởi đầu và phurrong p đi từ trừu tượng đến cụ thể. Triết học. 1983, số 3.
14. V.I. Lênin. Toàn tập, tập 29, tr. 184.
15. Như trên, tr. 183

ЛАЙ ВАН ТОАН. В. И. ЛЕНИН И ГЕГЕЛЕВСКАЯ «НАУКА ЛОГИКИ» МАРКСИСТСКАЯ ЛОГИКА

Подобно К. Марксу и Ф. Энгельсу В. И. Ленин подходил к идеалистической диалектике Гегеля с позиции материализма и рассматривал её как одну из непосредственных теоретических источников марксизма. Критиче

анализируя «Науку логики» Гегеля, В. И. Ленин выдвинул ряд важных положений марксизма о диалектическом материализме, о диалектической логике.

Будучи наукой, разрешающей проблемы истины, марксистская логика, по В. И. Ленину, изучает различные формы мышления и их связи (взаимопереход-противоречия) как формы отражения, «соответствующие истине» и также выдвигает требования (в форме принципов) обнаружения мышлением истины.

LAI VAN TOAN. V.I. LENIN AND HEGEL'S LOGIC SCIENCE MARXIST LOGIC.

Like Marx and Engels, Lenin criticized Hegel's idealist dialectics as a direct theoretical origin of marxism from the materialist viewpoint. In his study, and summarizing «Logic science» from this spirit, Lenin developed many important marxist conceptions on materialist dialectics, and dialectical logic.

As a science for solving the problem of truth, marxist logic, according to Lenin studied the forms of thought, the relations (transformations = contradictions) as a form of reflection, «which» «corresponds to truth» and put forth demands (under the form of principles) for thinking to attain truth.

Tê theo trang 5

НГУЙН ДУЙ КЮИ. ДИАЛЕКТИЧЕСКОЕ ВЗАИМООТНОШЕНИЕ ОПЫТА И ТЕОРИИ В НАУЧНОМ ПОЗНАНИИ

Диалектичная философия не только не обнаружила диалектических связей между практическим (опытным) и теоретическим знанием, но и не могла выявить содержания и метода этих ступеней познания.

Автор доказывал, что эти ступени познания объединяются в научном познании, сохраняя тем не менее относительную самостоятельность.

NGUYEN DUU QUY. DIALECTICS BETWEEN EXPERIENCE AND THEORY IN SCIENTIFIC KNOWLEDGE

Philosophy before Marx not only did not point out dialectical relations between knowledge and experience but also did not explain the content and method of these two degrees of knowledge.

The author shows that these two degrees of knowledge are united together in the process of scientific knowledge but they are relatively independent.